TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **41**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 07 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Lê Thị Ngọc T**; Sinh năm: 2002.

Số CCCD: 09230200xxxx, ngày cấp: 10/02/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Khu vực x, xã CH, huyện Ô, tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực x, phường Ô, thành phố Cần Thơ). Địa chỉ hiện nay: Tổ x, ấp x, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là: Tổ x, ấp x, xã V, tỉnh Đồng Nai).

- Ông **Nguyễn Hoài T1**; Sinh năm: 2001.

Số CCCD: 09520100xxxx, ngày cấp: 19/7/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Ấp N2, xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp N 2, xã A, tỉnh Cà Mau). Địa chỉ hiện nay: Tổ x, ấp x, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là: Tổ x, ấp x, xã V, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 là hôn nhân hợp pháp, ngày 30/7/2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như

sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày: 27/11/2020 và cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 14/3/2022.

Sau khi ly hôn, bà T và ông T1 thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày: 27/11/2020 cho ông Nguyễn Hoài T1 nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; Giao cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 14/3/2022 cho bà Lê Thị Ngọc T nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung. Tạm thời bà T và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các đương sự được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà bà T và ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 0001563 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T và ông T1 đã nộp đủ lệ phí.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Hoài T1 tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày: 27/11/2020. Giao cho bà Lê Thị Ngọc T tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung là cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 14/3/2022. Tạm thời bà T và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các đương sự được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoài T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà bà T và ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 0001563 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T và ông T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND xã A, tỉnh Cà Mau;
(GCNKH số 23 ngày 14/7/2022);
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thị Liên